

Bản án số: **199/2020/DS - PT**

Ngày: 24/9/2020

V/v: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Đặng Kim Nhân.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1543/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Trần Ngọc A; Địa chỉ: phường P, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc A: Ông Hồ Ngọc N; địa chỉ: thành phố N (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018). Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Trần H; Địa chỉ: phường P, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần H: Ông Phan Bạch M; địa chỉ: thành phố N (Giấy ủy quyền ngày 12/3/2019). Có mặt.

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị S (S Tran). Địa chỉ: Canada

+ Bà Trần S1 (S1 Tran). Địa chỉ: Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần S1: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1963; địa chỉ: tp. N, tỉnh Khánh Hòa (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/01/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần S1: Ông Nguyễn Hồng H, luật sư Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: tp. N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

** **Người kháng cáo:** Bị đơn - ông Trần H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần S1.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai - nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha tôi là Trần P (sinh năm 1916, mất năm 2018) và mẹ tôi bà Phùng Thị T (sinh năm 1918, mất năm 2014), cha mẹ tôi có 04 người con: Trần Ngọc A (sinh năm 1935), Trần H (sinh năm 1936), Trần Thị S (sinh năm 1952), Trần S1 (sinh năm 1956).

Cha mẹ tôi mất không để lại di chúc đối với tài sản là quyền sử dụng đất là thửa đất số 37 (một phần) tờ bản đồ số 3 tại tổ 15, N, N, N diện tích 821,9m² loại đất trồng cây lâu năm, tài sản hiện do ông Trần H quản lý.

Nay tôi đề nghị Tòa án chia di sản của ông Trần P và bà Phùng Thị T để lại là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 3 tại tổ 15, N, N, N diện tích 921,9m² theo quy định pháp luật, ông Trần Ngọc A đề nghị được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất trên và sẽ thanh toán cho các đồng thừa kế khác bằng tiền theo quy định pháp luật.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai - bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Cha tôi là Trần P (sinh năm 1916, mất năm 2018) và mẹ tôi bà Phùng Thị T (sinh năm 1918, mất năm 2014), cha mẹ tôi có 04 người con: Trần Ngọc A (sinh năm 1935), Trần H (sinh năm 1936), Trần Thị S (sinh năm 1952), Trần S1 (sinh năm 1956).

Ngoài những người con trên, cha mẹ tôi không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cha mẹ tôi mất để lại các di sản:

Nhà đất số 35 (số mới 287) L, P, N, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở số CH00976/22372 do UBND thành phố N cấp ngày 01/7/2013.

Nhà đất số 01B chung cư B, phường V, thành phố N, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/12/1999.

Đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 15, N, N, N, được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013.

Đối với di sản là nhà đất số 35 (số mới 287) L, P, N và nhà đất số 01B chung cư B, phường V, thành phố N cha mẹ tôi để lại di chúc lập ngày 11/03/2005 tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa cho hai em tôi là Trần Thị S và Trần S1.

Đối với di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (17 cây dừa) tại địa chỉ tổ 15, N, N, N, trước khi chết, cha mẹ tôi không để lại di chúc, hiện tài sản trên do tôi trông coi. Ngoài các di sản trên cha mẹ tôi không còn tài sản nào khác.

Khi cha mẹ tôi già yếu tôi là người trực tiếp chăm sóc, sau khi mẹ tôi mất, tôi và vợ chuyển từ thành phố Hồ Chí Minh về N sinh sống để lo hương khói cho mẹ tôi và chăm sóc cha tôi tại số 35 (số mới 287) L, P, N. Tôi và anh Trần Ngọc A có trao đổi về việc phân chia di sản do cha mẹ tôi để lại là quyền sử dụng đất tại tổ 15, N, N, N nhưng cả hai không thống nhất được quan điểm.

Nay tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc A và đề nghị Tòa án giao di sản thừa kế của cha mẹ tôi là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 15, N, N, N cho ông Trần Ngọc A quản lý, sử dụng. Ông Trần Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho tôi 1/3 giá trị tài sản thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với phần di sản bà Trần S1 được thừa hưởng, ông Trần Ngọc A có trách nhiệm quản lý và phải thanh toán cho bà Trần S1 giá trị tài sản thừa kế theo quy định pháp luật khi bà S1 có yêu cầu.

Tại đơn từ chối nhận di sản ngày 27/02/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S trình bày:

Tôi tự nguyện từ chối nhận di sản và đề nghị Tòa án giao phần di sản tôi được nhận theo quy định pháp luật cho những người thừa kế theo pháp luật còn lại: Ông Trần Ngọc A, ông Trần H, bà Trần S1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần S1:

Đã được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo thời gian mở phiên họp hòa giải công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 235, Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 690, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần A về chia di sản thừa kế của cụ ông Trần P và cụ bà Phùng Thị T.

Ông Trần A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần H, bà Trần S1 mỗi người số tiền 1.324.823.170 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi đồng). Ông Trần A tạm thời quản lý kỹ phần của bà Trần S1 và có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế 1.324.823.170

đồng khi bà Trần S1 có yêu cầu.

Ông Trần A được quyền quản lý sử dụng đất và cây trồng trên lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO710245 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH00921/22336 ngày 23/5/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố N và phần diện tích đất qui hoạch bờ kè Sông Cái không được cấp Giấy CNQSD đất: 1.438,5m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án), ông Trần A có quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2019 bị đơn ông Trần H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng đơn giá tương đương với giá chuyển nhượng trên thị trường đối với đất tranh chấp.

Ngày 21/11/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần S1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần S1 cho rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác định di sản thừa kế hiện nay biến động như thế nào, nhưng lại quyết định chia thừa kế cho các đương sự là không đúng pháp luật. Mặt khác, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Trần S1 cũng thực hiện không đúng quy định, do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Trần S1, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng khi thụ lý giải quyết vụ án căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photo do nguyên đơn xuất trình, nên việc thu thập chứng cứ không đầy đủ, thiếu người tham gia tố tụng nên đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận kháng cáo của bà Trần S1 hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần S1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bà S1 đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Tại Đơn khởi kiện, ông Trần Ngọc A xác định cha mẹ là cụ Trần P, cụ Phùng Thị T (đều đã chết) sinh được 04 người con là Trần Ngọc A, Trần H, Trần Thị S, Trần S1, cha mẹ chết không để lại di chúc nên ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là thửa đất số 37 (một phần) tờ bản đồ số 3 tại tổ

15, N, N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và cung cấp bản photocopy (không có công chứng chứng thực) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO710245 số vào sổ là CH 00921/22336 ngày 23/8/2013 của thửa đất số 37 nêu trên.

Khi thụ lý cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu ông A cung cấp bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao có công chứng, chứng thực mà vẫn xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông A là vi phạm khoản 1 Điều 95 BLTTDS.

[2] Sau khi nhận được bản án sơ thẩm có nội dung phân chia di sản của cụ P và cụ T để lại là thửa đất số 37 (01 phần), bà S1 có đơn kháng cáo xác định thửa đất số 37 (01 phần) không còn là di sản do cha mẹ để lại vì đã chuyển nhượng, chỉnh lý biến động sang tên cho các bà Nguyễn Khoa Phương Tùng, Nguyễn Thanh Ngọc Hằng và cung cấp các chứng cứ kèm theo, thể hiện:

- Sau khi cụ T mất, ngày 01/4/2016, ông Trần H và bà Trần Thị S lập văn bản nhường/tặng cho kỹ phần thừa kế xác định ông H và bà S tự nguyện tặng cho/nhường kỹ phần thừa kế được hưởng của cụ T đối với thửa đất số 37 (1 phần), tờ bản đồ số 3, tổ 15, N, phường N, thành phố N cho em gái là bà Trần Thị S1 được Văn phòng Công chứng Trung Tâm công chứng cùng ngày.

- Ngày 28/9/2016, cụ P, ông H, bà S, bà S1 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản xác định 04 người là những người thừa kế theo pháp luật của cụ T (không có ông Trần Ngọc A), ông H, bà S đã nhường kỹ phần thừa kế ngày 01/4/2016, nay cụ P cũng nhường kỹ phần thừa kế mà cụ được hưởng của cụ T và tặng cho bà S1 phần tài sản của cụ là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất số 37 (1 phần) nên bà S1 là người duy nhất được quyền sử dụng, định đoạt đối với thửa đất số 37 (1 phần), văn bản này được Văn phòng công chứng Trung Tâm công chứng cùng ngày.

- Trên cơ sở văn bản thỏa thuận phân chia di sản nêu trên, ngày 28/9/2016, bà S1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 37 (1 phần) cho các bà Nguyễn Khoa Phương Tùng, Nguyễn Thanh Ngọc Hằng; bà Tùng và bà Hằng đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO710245 ngày 24/11/2016.

Như vậy, thửa đất số 37 (01 phần) hiện đã sang tên cho bà Tùng, bà Hằng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Tùng, bà Hằng vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng.

[3] Do việc thu thập chứng cứ không đúng quy định tại Điều 95 BLTTDS, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đủ căn cứ vững chắc xác định thửa đất số 37 (1 phần) được chuyển nhượng, sang tên cho người khác hay chưa, nhưng lại chấp nhận đơn khởi kiện của ông A chia thừa kế đối với thửa đất này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tùng, bà Hằng và các đương sự khác trong vụ án.

Như vậy, cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung, đồng thời có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần chấp nhận kháng cáo của bà Trần S1, chấp nhận quan điểm của luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Khi thụ lý giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật, đồng thời, cần phải xác minh, làm rõ tính có căn cứ, giá trị pháp lý của các văn bản do bà S1 cung cấp vì ông A cung cấp các tài liệu thể hiện ông A là con cụ P, cụ T nhưng trong các văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ T do bà S1 cung cấp đều không có sự tham gia của ông A là có mâu thuẫn khi các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh.

[4] Do hủy án sơ thẩm nên việc rút kháng cáo của ông H trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[5] Bà Trần S1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần S1. Tuyên xử:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa về việc “*Tranh chấp tài sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Trần Ngọc A với bị đơn là ông Trần H.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Bà Trần S1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà S1 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001059 ngày 22-11-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn